

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 293/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1899/TTr-SNV ngày 30 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.
3. Các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết định giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.
4. Doanh nghiệp thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.
5. Người lao động, người quản lý doanh nghiệp tham gia thực hiện sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.
6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định, thanh toán chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Việc xác định các xã, phường, đặc khu thuộc vùng I, II, III, IV được thực hiện theo địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ. Đối với các sản phẩm, dịch vụ công thực hiện trên nhiều địa bàn thì sản phẩm, dịch vụ công phát sinh trên địa bàn, vùng nào áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương của địa bàn, vùng đó.

Điều 4. Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương

1. Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ($H_{đc}$) cho các vùng trong tỉnh:
 - a) Vùng II: 0,8 áp dụng địa bàn các phường Long Xuyên, Bình Đức, Mỹ Thới, Châu Đốc, Vĩnh Tế, Vĩnh Thông, Rạch Giá, Hà Tiên, Tô Châu; các xã Mỹ Hòa Hưng, Tiên Hải và các đặc khu Phú Quốc, Thổ Châu.
 - b) Vùng III: 0,6 áp dụng địa bàn các phường Tân Châu, Long Phú; các xã Tân An, Châu Phong, Vĩnh Xương, Châu Phú, Mỹ Đức, Vĩnh Thạnh Trung, Bình Mỹ, Thạnh Mỹ Tây, An Châu, Bình Hòa, Cần Đăng, Vĩnh Hanh, Vĩnh An, Thoại Sơn, Óc Eo, Định Mỹ, Phú Hòa, Vĩnh Trạch, Tây Phú, Thạnh Lộc, Châu Thành, Bình An, Hòa Điền, Kiên Lương, Sơn Hải, Hòn Nghê và đặc khu Kiên Hải.
 - c) Vùng IV: 0,5 áp dụng địa bàn các xã, phường còn lại.
2. Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương tại khoản 1 Điều này là cơ sở xác định tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất, lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ tính trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương làm cơ sở xác định tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

c) Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố hệ số điều chỉnh tiền lương các vùng trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện có những khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ để nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *pm*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục TL và BHXH - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- LĐVP;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- P. KGVX;
- Lưu: VT, vttkieu. *pm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Phước